TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 217/2022/DS-ST
Ngày: 14/6/2022
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

****

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Hoàng Thị Vân.
2- Bà Trần Thị Đúng.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Ngân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền -Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 511/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2022/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 122/2022/QĐST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần S**.

Địa chỉ trụ sở chính: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường X, Quận Y, Thành phố H.

Đai diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Ma Khánh C, sinh năm 1984; Địa chỉ liên hệ: 224 đường L, Phường 1, quận T, Thành phố H (Giấy ủy quyền số 480/2020/UQ-CNTB ngày 20/10/2020).

Bị đơn: Ông **Trịnh Ngọc Q**, sinh năm: 1982;

Địa chỉ: F3/24F Tổ 5 ấp 6 xã V, huyện B, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S có đại diện theo ủy quyền là ông Ma Khánh C trình bày:

Ngày 28 tháng 09 năm 2017, ông Trịnh Ngọc Q có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng thương mại cổ phần S– các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông Q, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Q đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 55.336.105 đồng (chưa bao gồm phí và lãi phát sinh).

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Q đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 45.988.000 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 23 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng thương mại cổ phần S).

Việc thanh toán được áp dụng theo thứ tự như sau:

- Các khoản phí và/hoặc lãi của tháng trước;
- Giao dịch rút tiền mặt của tháng trước;
- Giao dịch Mua Hàng hóa tháng trước;
- Các khoản phí và/hoặc lãi trong tháng;
- Giao dịch rút tiền mặt trong tháng;
- Giao dịch Mua Hàng hóa trong tháng;

Theo bảng tóm tắt sao kê của Ông Trịnh Ngọc Q từ 31/03/2020 đến 30/06/2020 đang được tính là trong hạn, kỳ 30/06/2020 Ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ sang thành nợ quá hạn;

Kỳ 31/03/2020 phát sinh phí trễ hạn với lý do khách hàng không thanh toán (kỳ 31/03/2020) ít nhất số tiền tối thiểu vào hoặc trước ngày đến hạn, Lãi phải thanh toán được tính từ ngày khách hàng giao dịch trên số dư nợ đã giao dịch;

Kỳ 30/04/2020 phát sinh phí trễ hạn với lý do khách hàng không thanh toán (kỳ 31/03/2020) ít nhất số tiền tối thiểu vào hoặc trước ngày đến hạn, Lãi phải thanh toán được tính từ ngày khách hàng giao dịch trên số dư nợ đã giao dịch;

Kỳ 31/05/2020 phát sinh phí trễ hạn với lý do khách hàng không thanh toán (kỳ 30/04/2020) ít nhất số tiền tối thiểu vào hoặc trước ngày đến hạn, Lãi phải thanh toán được tính từ ngày khách hàng giao dịch trên số dư nợ đã giao dịch;

Kỳ 30/06/2020 phát sinh phí trễ hạn với lý do khách hàng không thanh toán (kỳ 31/05/2020) ít nhất số tiền tối thiểu vào hoặc trước ngày đến hạn, phí vượt hạn mức được tính trên số dư vượt hạn mức được cấp như vậy kỳ

30/06/2020 được tính như sau số dư nợ đầu kỳ cộng (+) phí trễ hạn, lãi = số dư vượt hạn mức, nên sẽ có phí vượt hạn mức (với hạn mức được cấp của khách hàng 20.000.000 đồng);

Đối với Nợ gốc được xác định theo Điều 1 Khoản 1.11 Bản Điều khoản và điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân Hàng như sau: " Dư Nợ Cuối Kỳ Của Thẻ (gọi tắt là Dư Nợ): Là tổng dư nợ trên Thẻ bao gồm Giao Dịch đã bút toán, phí và tiền lãi đã phát sinh trên Thẻ" (Việc tính Các hạn mức và sự thay đổi hạn mức sử dụng thẻ, bao gồm cả hạn mức thấu chi (đối với thẻ ghi nợ) và hạn mức tín dụng; lãi suất, phương thức tính lãi tiền vay, thứ tự thu hồi nợ gốc và lãi tiền vay (đối với thẻ tín dụng và thẻ ghi nợ được thấu chi); thời hạn cấp tín dụng, mục đích vay, thời hạn trả nợ, mức trả nợ tối thiểu, phương thức trả nợ, phí phạt khoản nợ quá hạn (nếu có).

Thỏa thuận về việc cấp tín dụng cho chủ thẻ có thể được nêu trong hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ hoặc tại văn bản thỏa thuận riêng theo Điều 13. Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ của Thông tư số 19/2016/TT-NHNN và sửa đổi, bổ sung thông tư số 19/2016/TT-NHNN theo Thông tư 17/2021/TT-NHNN ngày 16 tháng 11 năm 2021.

Theo điểm b khoản 26.4 Điều 26 Bản Điều khoản và điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân Hàng như sau " Áp dụng lãi suất nợ quá hạn phù hợp với Khoản 27 Điều 1 đối với toàn bộ Dư nợ theo quy định của Ngân hàng S. Sau 75 ngày kể từ ngày lập thông báo giao dịch hoặc sau 03 (ba) kỳ thông báo giao dịch liên tiếp, nếu chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán ít hơn số tiền thanh toán tối thiểu, Ngân hàng S sẽ chấm dứt quyền sử dụng thẻ của Chủ Thẻ và tiến hành các biện pháp cần thiết để thu hồi nợ vay kể cả việc gọi điện thoại/gửi văn bản cho bất kỳ tổ chức hay cá nhân nào để thông báo về việc vi phạm của Chủ Thẻ và yêu cầu hỗ trợ điều tra, xác minh và/hoặc khởi kiện Chủ Thẻ.

Như vậy tính tới ngày 30/06/2020 tổng số tiền 20.921.288 đồng là số dư nợ của Ông Trịnh Ngọc Q.

Đối với Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng của ông Q được tính lãi theo Bản Điều khoản và điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân Hàng. Lãi suất thẻ tín dụng trong hạn của ông Trịnh Ngọc Q là 2.6%/ tháng, Lãi suất quá hạn là 3,9%/ tháng (lãi suất trong hạn 2,6%/tháng x 150%).

Ông Q sử dụng thẻ từ tháng 09/2017 đến tháng 02/2020 và có thanh toán đều cho Ngân hàng nhưng đến tháng 03/2020 thì ngưng thanh toán.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Q vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 26 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 30/06/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 26 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ông Q còn nợ các khoản sau:

Nợ gốc : 20.921.288 đồng
Lãi quá hạn : 19.419.372 đồng
Lãi suất quá hạn : 3.9%/tháng (2.6%/ tháng x 150%)
Tổng cộng : 40.340.660 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông Q, yêu cầu ông Q có trách nhiệm thanh toán khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông Q trả nợ, tuy nhiên ông Q vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, Ngân hàng yêu cầu Tòa án:

- Buộc Ông Trịnh Ngọc Q phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 14/06/2022 là 40.340.660 đồng, trong đó nợ gốc là 20.921.288 đồng và lãi quá hạn là 19.419.372 đồng;

- Ông Trịnh Ngọc Q có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 15/06/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn ông Trịnh Ngọc Q vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông Quý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Q phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng Thương mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu ông Trịnh Ngọc Q thanh toán khoản nợ đã vay cùng lãi suất theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Đây là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự, là loại tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn

có hộ khẩu thường trú tại F3/24F Tổ 5 ấp 6 xã V, huyện B, Thành phố H. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện B có thẩm quyền giải quyết.

Bị đơn ông Trịnh Ngọc Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch dân sự giữa các bên được thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1] Ngân hàng Thương mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Trịnh Ngọc Q phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán ngay một lần toàn bộ nợ gốc, lãi tạm tính đến ngày 14/6/2022 là 40.340.660 đồng. Ngoài ra ông Q phải thanh toán tiền lãi phát sinh trên nợ gốc chưa thanh toán theo quy định tại hợp đồng đã ký kể từ ngày 15/6/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Căn cứ Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng thương mại cổ phần S– các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) được ký giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S và ông Trịnh Ngọc Q ngày 28/9/2017 có cơ sở xác định Ngân hàng Thương mại cổ phần S đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng, lãi suất thẻ tín dụng trong hạn của ông Q là 2.6%/tháng, lãi suất quá hạn là 3,9%/tháng (lãi suất trong hạn 2,6%/tháng x 150%). Việc ký kết giữa hai bên được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định về hoạt động thẻ ngân hàng nên có hiệu lực đối với các bên đã tham gia giao dịch, qua đó để xác định ông Q có quan hệ tín dụng với Ngân hàng.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 30/06/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, phù hợp với Điều 26 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S. Do đó số tiền mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tính đến ngày 14/6/2022 là 40.340.660 đồng, trong đó nợ gốc là 20.921.288 đồng và lãi quá hạn là 19.419.372 đồng là phù hợp với quy định pháp luật, có cơ sở để chấp nhận.

[3.2] Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Q đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Bị đơn đã tự tước bỏ quyền phản đối yêu cầu của nguyên đơn đối với mình, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án.

Như đã nhận định trên, Ngân hàng Thương mại cổ phần S yêu cầu ông Q trả toàn bộ khoản nợ gốc, lãi quá hạn tính đến ngày 14/6/2022 là 40.340.660 đồng, trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật và lãi tiếp tục tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi ông Q trả dứt điểm số tiền trên theo lãi suất đã ký kết là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về lãi suất phát sinh: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải tiếp tục trả lãi suất phát sinh trong quá trình trả nợ được tính tiếp theo từ ngày 15/6/2022 cho đến khi bị đơn trả dứt nợ. Xét yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với thỏa thuận của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng mà các bên đã ký kết, phù hợp với Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên chấp nhận.

Xét, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S đối với ông Trịnh Ngọc Q.

Buộc ông Trịnh Ngọc Q có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 40.340.660 đồng (Bốn mươi triệu ba trăm bốn mươi ngàn sáu trăm sáu mươi đồng).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Trịnh Ngọc Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần S và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế được ký ngày 28/9/2017 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S và ông Trịnh Ngọc Q cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ký ngày 28/9/2017, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

3. Về án phí: Ông Trịnh Ngọc Q chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.017.033 đồng (Hai triệu không trăm mười bảy ngàn không trăm ba mươi ba đồng).

Ngân hàng Thương mại cổ phần S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 579.468 đồng (Năm trăm bảy mươi chín ngàn bốn trăm sáu mươi tám đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0080343 ngày 02 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi Nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND H.BC;

- THADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (…)

Nguyễn Thị Ngọc Châu

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 11 giờ 10 phút ngày 14/6/2022 .

Tại Phòng nghị án Toà án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Châu.

- Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Hoàng Thị Vân.
2- Bà Trần Thị Đúng.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 511/2020/TLST-DS ngày 10/11/2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" giữa nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín, bị đơn ông Trịnh Ngọc Quý.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín đối với ông Trịnh Ngọc Quý.

Buộc ông Trịnh Ngọc Quý có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền 40.340.660 đồng (Bốn mươi triệu ba trăm bốn mươi ngàn sáu trăm sáu mươi đồng).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Trịnh Ngọc Quý còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế được ký ngày 28/9/2017 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín và ông Trịnh Ngọc Quý cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ký ngày 28/9/2017, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín.

3. Về án phí: Ông Trịnh Ngọc Quý chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.017.033 đồng (Hai triệu không trăm mười bảy ngàn không trăm ba mươi ba đồng).

Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 579.468 đồng (Năm trăm bảy mươi chín ngàn bốn trăm sáu mươi tám đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0080343 ngày 02 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nghị án kết thúc lúc 11 giờ 30 phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA